TỈNH ỦY QUẢNG TRỊ * Số 09 -KH/TU	**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** *Quảng Trị, ngày 31 tháng 7 năm 2025*

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia *(Nghị quyết số 57-NQ/TW)*, Quyết định số 314-QĐ/TW ngày 18/6/2025 của Bộ Chính trị thành lập Đảng bộ tỉnh Quảng Trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (mới) như sau:

I. MỤC ĐÍCH

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, hệ thống chính trị trong toàn tỉnh tiếp tục quán triệt, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò then chốt của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với sự phát triển toàn diện, văn minh, hiện đại của tỉnh trong kỷ nguyên mới. Tiếp tục cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, Quyết định số 204-QĐ/TW của Ban Bí thư, Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ, Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội, cùng các chiến lược, chương trình trọng điểm của Trung ương như Quyết định số 569/QĐ-TTg và 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ... thành các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

Xây dựng chương trình hành động cụ thể, có lộ trình rõ ràng, xác định trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả; đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện. Đề cao vai trò, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong việc trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; khơi dậy tinh thần chủ động, sáng tạo, quyết tâm cao trong toàn hệ thống chính trị, doanh nghiệp và Nhân dân nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, yếu tố quyết định thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh trong giai đoạn tới.

2. Xác định các lĩnh vực ưu tiên đẩy mạnh ứng dụng hiệu quả khoa học,

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số dựa trên lợi thế của tỉnh (nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, du lịch, năng lượng…); thúc đẩy các đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư, nhân tài, công nghệ. Phấn đấu nâng cao mức đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) tiện cận mức bình quân của cả nước.

3. Từng bước xây dựng chính quyền số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số; thiết lập hệ sinh thái khởi nghiệp, cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao… phù hợp với thực tiễn của tỉnh và các địa phương.

4. Thực hiện tốt Kế hoạch hành động để đóng góp thiết thực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước, của vùng và của tỉnh. Nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, tăng cường quốc phòng - an ninh.

II. YÊU CẦU

1. Nội dung Kế hoạch hành động thống nhất với tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW và các quy định, hướng dẫn của Trung ương. Nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vai trò đột phá của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; Kế hoạch hành động kế thừa các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan đã và đang triển khai (về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số).

2. Xác định đúng phương thức, không hình thức, không dàn trải. Xác định cơ chế, chính sách là yếu tố dẫn dắt, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo là động lực quan trọng, gắn kết chặt chẽ và thúc đẩy sự phát triển của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; triển khai thực hiện theo nguyên tắc thí điểm, đánh giá kết quả trước khi nhân rộng. Nghiên cứu phát huy những tiềm năng, thế mạnh và lợi thế của địa phương trên tất cả các lĩnh vực; xác định rõ những hạn chế, bất cập, điểm nghẽn, tác nhân gây cản trở để có giải pháp tháo gỡ kịp thời, triệt để. Tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số có thể tạo ra kết quả mang tính đột phá, mang lại hiệu ứng lan tỏa lớn.

3. Đề ra các mục tiêu theo từng giai đoạn 5 năm, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện rõ ràng gắn với kết quả, sản phẩm cụ thể, bảo đảm tính khả thi, phân công trách nhiệm, thời hạn thực hiện cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế. Phân bổ nguồn lực (nhân lực, tài chính, vật lực) phù hợp với từng nhiệm vụ, tránh đầu tư dàn trải, lãng phí; có cơ chế, công cụ đo lường, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện.

4. Huy động sự tham gia của các cấp, các ngành, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, các trường đại học và toàn xã hội vào quá trình thực hiện. Thiết

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

lập cơ chế phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả giữa Trung ương với địa phương, giữa các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, các sở/ban/ngành và doanh nghiệp, cộng đồng khoa học - công nghệ, giữa khu vực công và khu vực tư, giữa trong nước và quốc tế, tránh chồng chéo, trùng lắp.

5. Thiết lập chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết định kỳ và tăng cường giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả, báo cáo kịp thời. Quy định rõ cơ chế kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể. Coi trọng vai trò giám sát của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban Kiểm tra, Ban Tuyên giáo và Dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể. Báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương kịp thời đối với các hoạt động quan trọng và kết quả tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện theo định kỳ 01 tháng/lần (theo hình thức trực tuyến trên hệ thống thông tin theo dõi, đánh giá thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW). Phát hiện sớm những khó khăn, vướng mắc, kịp thời xử lý, tháo gỡ; Can thiệp bằng các chính sách (trong thẩm quyền) để đưa ra các giải pháp hiệu quả, tháo gỡ các điểm nghẽn tạo chuyển biến, đạt được các mục tiêu, yêu cầu của kế hoạch đặt ra.

6. Bảo đảm công khai, minh bạch, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đi kèm với trách nhiệm giải trình. Thông tin, dữ liệu, quyết định liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số cần được công khai tối đa; từng cơ quan, cá nhân chịu trách nhiệm giải trình về kết quả thực hiện. Ưu tiên bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước kết hợp thúc đẩy việc huy động xã hội hóa trong đầu tư khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, khởi nghiệp sáng tạo (đặc biệt là các mô hình kết hợp công tư, quỹ đầu tư...). Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn lực xã hội nói chung, đặc biệt là nguồn ngân sách Nhà nước; ưu tiên các nhiệm vụ cấp thiết, dự án có tính lan tỏa và hiệu quả cao.

7. Kết hợp chặt chẽ giữa mục tiêu trước mắt và lâu dài. Vừa giải quyết những yêu cầu cấp bách (cải cách hành chính, xây dựng hạ tầng số, nâng cao chất lượng dịch vụ công,...) vừa có tầm nhìn dài hạn (đến 2030, 2035, 2040, 2045) trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số gắn với Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, bảo đảm tính đồng bộ, phát triển bứt phá, toàn diện, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới, phù hợp với điều kiện, đặc điểm của từng vùng, miền, địa phương.

8. Đẩy mạnh tuyên truyền, tạo sự đồng thuận và phát huy sáng tạo của toàn xã hội. Phổ biến rộng rãi mục tiêu, lộ trình, cách làm; khuyến khích nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, đội ngũ trí thức tham gia, đóng góp sáng kiến, nguồn lực. Xây dựng phong trào thi đua trong hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; kịp thời biểu dương, khen thưởng các mô hình tiêu biểu.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

9. Triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch hành động này một cách quyết liệt, đồng bộ, thống nhất. Mọi giải pháp, chương trình, dự án cần tính toán khả năng triển khai, hiệu quả kinh tế - xã hội; ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực trọng điểm, có tính lan tỏa, tạo ra giá trị gia tăng cao. Kế hoạch hành động gắn với các chỉ số đo lường và đánh giá hiệu quả (KPIs).

10. Đảm bảo tinh thần chủ động, tư duy năng động, sáng tạo: Chủ động triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Khuyến khích tư duy đổi mới, cách làm sáng tạo, mạnh dạn thử nghiệm các mô hình, công nghệ, giải pháp mới.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt mức tiên tiến ở nhiều lĩnh vực quan trọng. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển vững chắc, thực sự trở thành động lực tăng trưởng kinh tế của tỉnh; trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đạt trong nhóm tỉnh khá của cả nước.

- Nâng cao năng lực nội sinh, sức cạnh tranh của kinh tế thông qua đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ trên diện rộng, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng trong các ngành, lĩnh vực chủ lực; nâng cao tỷ trọng đóng góp của chỉ số TFP trong tăng trưởng GRDP.

- Thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm nghiên cứu - phát triển (R&D), kết nối chặt chẽ với viện, trường, doanh nghiệp. Khơi dậy tinh thần sáng tạo và thu hút nguồn lực chất lượng cao từ trong và ngoài nước.

- Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả, đưa hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của tổ chức, cơ quan đảng, nhà nước lên môi trường số, dựa trên dữ liệu; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tiện ích số thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, tạo đột phá trong cải cách hành chính, quản trị công và phát triển bền vững.

- Tái cấu trúc, xây dựng hạ tầng số thống nhất, ổn định, linh hoạt, ưu tiên áp dụng công nghệ điện toán đám mây, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng từng bước nâng cao chất lượng sống của người dân, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy tiềm lực sáng tạo của mọi tầng lớp xã hội trở thành giải pháp đột phá, thúc đẩy liên kết vùng, hội nhập quốc tế về khoa học - công nghệ, đóng góp tích cực vào mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến hết năm 2025

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn ≥ 50%.

- Có ≥ 60% người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s.

- Có Trung tâm an ninh mạng cấp tỉnh (hoặc thuê dịch vụ giám sát an toàn thông tin), giám sát, ứng cứu sự cố cho toàn hệ thống.

b) Phát triển nguồn lực

- Bảo đảm tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt mức theo phân bổ ngân sách Trung ương và điều kiện thực tiễn của tỉnh.

- Có ≥ 80% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.

- 100% cán bộ, công chức cấp tỉnh được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.

- 80% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.

- 80% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông; tiếp cận nguồn thông tin chính thống thông qua các nền tảng mạng xã hội.

- Có từ 07 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- Có ≥ 10 doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn.

- Có ≥ 11 tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh.

- Có ≥ 25 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.

- Có ≥ 500 cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh.

- Có ≥ 15 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai.

- Có ≥ 40% kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.

- Có ≥ 1 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích).

- Có ≥ 2% doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.

- Có ≥ 10 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI).

- Phấn đấu có 02 công trình đạt giải thưởng khoa học và công nghệ quốc gia/khu vực.

- Ứng dụng AI, IoT, Big Data… trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân, trao đổi thông tin giữa người dân và các cấp chính quyền, Mặt trận và đoàn thể.

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

- Có ≥ 50 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Có 01 Vườn ươm/trung tâm được thành lập mới hoặc bổ sung chức năng đổi mới sáng tạo.

- Có ≥ 15% doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.

- Có ≥ 20 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.

- Có ≥ 10 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.

- Có ≥ 1 sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh.

- Có ≥ 50 bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.

- Có ≥ 3% doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với các viện/trường.

- Có có ≥ 50 sáng kiến cấp tỉnh công được công nhận.

e) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh ≥ 0.60.

- Có ≥ 70% thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.

- Có 100% thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.

- Có ≥ 70% giao dịch hành chính thuộc diện "phi tiếp xúc".

- Có ≥ 70% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.

- Có ≥ 80% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- Có ≥ 70% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.

- Có ≥ 40% hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.

- Có ≥ 50% cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông với Trung ương.

- Có ≥ 60% dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với trục liên thông dữ liệu cấp tỉnh.

- Có ≥ 30% doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.

- Có ≥ 80% người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID).

- Có ≥ 60% đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.

- Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử. Quy mô kinh tế số đạt 10% GRDP.

2.2. Đến hết năm 2030

a) Phát triển hạ tầng

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn đạt 95%.

- 97% người sử dụng có khả năng truy cập băng thông rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s.

b) Phát triển nguồn lực

- Có ≥ 1,5% tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 3% GRDP.

- 100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.

- ≥ 90% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông, các nền tảng số hóa, tương tác đa chiều và tuyên truyền vận động xã hội.

- Có từ 12 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- Có ≥ 600 cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh.

- Có ≥ 20 doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn.

- Có ≥ 12 tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh.

- Mỗi năm có ≥ 25 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.

- Mỗi năm có ≥ 25 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai.

- Có ≥ 50% kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.

- Mỗi năm có ≥ 5 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích).

- Có ≥ 10% doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.

- Mỗi năm có ≥ 15 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI).

- Mỗi năm có ≥ 2 công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực.

- Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng AI, IoT, Big Data,…trong quản lý môi trường, đô thị thông minh và các lĩnh vực trọng điểm để phát triển kinh tế xã hội; nâng cao chất lượng sống người dân.

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Có ≥ 200 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

- Có ≥ 3 vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Có ≥ 20% doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.

- Mỗi năm có ≥ 50 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.

- Mỗi năm có ≥ 20 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.

- Mỗi năm có ≥ 2 sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh.

- Mỗi năm có ≥ 150 bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.

- Có ≥ 10% doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường.

- Mỗi năm có ≥ 100 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

e) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh ≥ 0,75.

- Có 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.

- 100% thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.

- 100% giao dịch hành chính thuộc diện "phi tiếp xúc".

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- Có ≥ 85% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.

- Có ≥ 70% hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.

- Có ≥ 80% cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông tới Trung ương.

- Có ≥ 85% dữ liệu của các sở, ban, ngành được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP.

- Có ≥ 60% doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.

- Có ≥ 85% người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID), tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số ≥ 10%.

- Các cơ quan đảng trong tỉnh hoàn thành tốt mục tiêu của Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng.

- Có ≥ 90% đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.

- Quy mô kinh tế số đạt ≥ 30% GRDP.

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử.

2.3. Đến hết năm 2035

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 50%.

b) Phát triển nguồn lực

- Có ≥ 2% tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 3% GRDP.

- 100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.

- 95% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- Có từ 20 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- Có ≥ 1.200 cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh.

- Có ≥ 30 doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

- Có ≥ 15 tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh.

- Mỗi năm có ≥ 30 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.

- Mỗi năm có ≥ 40 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai.

- Có ≥ 75% kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn trong vòng 12 tháng sau khi nghiệm thu.

- Mỗi năm có ≥ 15 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích).

- Có ≥ 30% doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.

- Mỗi năm có ≥ 20 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI).

- Mỗi năm có ≥ 3 công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực.

- Làm chủ một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano; ứng dụng công nghệ hiện đại vào việc quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Có ≥ 250 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Có ≥ 7 vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

- Có ≥ 30% doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.

- Mỗi năm có ≥ 100 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.

- Mỗi năm có ≥ 30 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.

- Mỗi năm có ≥ 8 sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh.

- Mỗi năm có ≥ 200 bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.

- Có ≥ 40% doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường.

- Mỗi năm có ≥ 150 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

e) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh ≥ 0,85.

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- Có ≥ 95% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.

- Có ≥ 90% hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.

- 100% cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông với Trung ương.

- 100% dữ liệu của các sở, ngành được tích hợp trên nền tảng chia sẻ LGSP.

- Có ≥ 85% doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.

- Có ≥ 95% người dân có tài khoản định danh điện tử, tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số đạt 20%.

- 100% đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất

- Xây dựng các trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh đóng vai trò như "bộ não số" của địa phương, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên nhiều lĩnh vực như kinh tế - xã hội, an ninh, giao thông, môi trường và dịch vụ công.

- 100% đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất

- Quy mô kinh tế số đạt 30% GRDP.

2.4. Đến hết năm 2040

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 80%.

b) Phát triển nguồn lực

- Có ≥ 2,5% tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 3% GRDP.

- 97% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- Có từ 33 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.

- Thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư công nghệ hàng đầu, hình thành "nhóm chuyên gia".

- 80% - 90% dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,…).

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- Có ≥ 2.000 cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh.

- Có ≥ 50 doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Có ≥ 18 tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh.

- Mỗi năm có ≥ 40 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.

- Mỗi năm có ≥ 60 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai.

- Có ≥ 85% kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.

- Mỗi năm có ≥ 25 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích).

- Có ≥ 60% doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.

- Mỗi năm có ≥ 25 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI).

- Mỗi năm có ≥ 4 công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực.

- Có 5 trung tâm nghiên cứu, phát triển trọng điểm ở tỉnh, thu hút nhà khoa học, doanh nghiệp đầu tư.

- Có 2 trung tâm nghiên cứu và phát triển hoặc đổi mới sáng tạo của địa phương đạt uy tín trong nước, kết nối quốc tế.

- Có ≥ 80 doanh nghiệp khoa học và công nghệ, trong số đó có 10% doanh nghiệp công nghệ số nội địa vươn tầm khu vực, một số doanh nghiệp làm chủ công nghệ lõi.

- Ứng dụng AI, IoT, Big Data… trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

- Có ≥ 450 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Mỗi năm có 60 đến 80 dự án khởi nghiệp sáng tạo.

- Có ≥ 7 vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Có ≥ 50% doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.

- Có 3 - 5 trung tâm đổi mới sáng tạo trọng điểm ở tỉnh, thành, thu hút nhà khoa học, doanh nghiệp đầu tư.

- Mỗi năm có ≥ 300 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.

- Mỗi năm có ≥ 60 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.

- Mỗi năm có ≥ 15 sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh.

- Mỗi năm có ≥ 500 bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.

- Có ≥ 60% vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường.

- Mỗi năm có ≥ 250 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

e) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh ≥ 0,92.

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- 100% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.

- 100% hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.

- 100% cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông với Trung ương.

- 100% dữ liệu của các sở, ban, ngành được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP.

- Có ≥ 95% doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.

- 100% người dân có tài khoản định danh điện tử, tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số đạt 30%.

- Trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh thực sự đóng vai trò là "bộ não số" của địa phương, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên nhiều lĩnh vực như kinh tế - xã hội, an ninh, giao thông, môi trường và dịch vụ công.

- 100% đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.

- Kinh tế số đạt 35% GRDP.

2.5. Đến hết năm 2045

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 100%.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

b) Phát triển nguồn lực

- Có ≥ 3% tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 3% GRDP.

- 99% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- Có ≥ 90% dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,…).

- Có từ 54 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.

- Thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư công nghệ hàng đầu, hình thành "cụm chuyên gia".

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- Có ≥ 3.000 cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh.

- Có ≥ 100 doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Có ≥ 20 tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc tỉnh.

- Mỗi năm có ≥ 50 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.

- Mỗi năm có ≥ 50 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai.

- Có ≥ 90% kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.

- Mỗi năm có ≥ 40 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích).

- Có ≥ 80% doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.

- Mỗi năm có ≥ 40 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/ISI).

- Mỗi năm có ≥ 10 công trình đoạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia/khu vực.

- Địa phương có khả năng thu hút nhiều chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu thế giới, tạo ra sản phẩm, dịch vụ công nghệ mang thương hiệu toàn cầu.

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Có ≥ 600 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Mỗi năm có 70 - 90 dự án khởi nghiệp sáng tạo.

- Có ≥ 10 vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Có ≥ 70% doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

doanh.

- Mỗi năm có ≥ 400 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.

- Mỗi năm ≥ 120 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.

- Mỗi năm có ≥ 20 sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh.

- Mỗi năm có ≥ 800 bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.

- Có ≥ 80% doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với viện/trường.

- Mỗi năm có ≥ 350 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

e) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh đạt 1,0.

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- 100% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.

- 100% hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.

- 100% cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông với Trung ương.

- 100% dữ liệu của các sở, ban, ngành được tích hợp trên nền tảng chia sẻ LGSP.

- 100% doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.

- 100% người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID), tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số đạt 40%.

- Ứng dụng AI, IoT và Big Data ở mức độ cao trong hệ thống đảng số, chính quyền số giúp xây dựng các hệ thống quản trị thông minh, tự động hóa ra quyết định dựa trên dữ liệu thời gian thực, tối ưu hóa quy trình vận hành và nâng cao chất lượng các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và dịch vụ công.

- Duy trì/nâng cấp trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh đóng vai trò thực sự là "bộ não số" của địa phương, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực.

- 100% đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất. Các hệ thống đảng số, chính quyền số vận hành hoàn toàn thông minh.

- Các đô thị vận hành dựa trên dữ liệu, quản trị thông minh, giảm phát thải, sử dụng năng lượng xanh.

- Dịch vụ y tế, giáo dục, an sinh xã hội đạt chuẩn tiên tiến, người dân

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

hưởng thụ môi trường sống hiện đại, an toàn, tiện ích.

- Hội nhập sâu với mạng lưới đô thị thông minh toàn cầu, là điểm đến của hợp tác quốc tế về công nghệ, nghiên cứu, du lịch.

- Là đầu tàu về công nghệ mũi nhọn (AI, robot, vật liệu mới, sinh học…), sở hữu công trình nghiên cứu tầm vóc, ứng dụng rộng rãi.

- Kinh tế số đạt 40% GRDP; các ngành đều có khả năng cạnh tranh, xuất khẩu dịch vụ số, sản phẩm công nghệ cao.

- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức cao, hướng tới phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh địa phương.

IV. NHIỆM VỤ VÀ NHÓM GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

1.1. Kịp thời kiện toàn Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của tỉnh khi có biến động; thành lập Tổ Giúp việc của Ban Chỉ đạo; có cơ chế, chính sách đãi ngộ phù hợp cho các cán bộ chuyên trách tham mưu triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW. Bố trí cán bộ có trình độ, năng lực về khoa học, kỹ thuật vào cấp ủy các cấp, đảm bảo ít nhất 01 cán bộ chuyên môn về khoa học, kỹ thuật và công nghệ thông tin trong cơ quan chuyên môn và UBND các cấp.

1.2. Ban hành kế hoạch, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện, phân công rõ trách nhiệm cho các sở, ngành, cấp cơ sở.

1.3. Lồng ghép các nội dung trong nghị quyết, kế hoạch hành động này vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

1.4. Thành lập Hội đồng tư vấn cấp tỉnh, mời các chuyên gia, các nhà khoa học, nhà quản lý có uy tín trong và ngoài nước tham gia vào Hội đồng Tư vấn để tham mưu cho Ban Chỉ đạo kịp thời, hiệu quả.

1.5. Thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành, liên cấp; tăng cường sự vào cuộc của các Sở, ban, ngành, địa phương; giao trách nhiệm, lộ trình cụ thể.

2. Nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị, thông tin, truyền thông

2.1. Tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch hành động này và các văn bản liên quan sâu rộng, thường xuyên trong toàn hệ thống chính trị, đến từng cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân.

- Nội dung quán triệt cần tập trung vào các vấn đề cốt lõi của Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch hành động này gắn với thực tiễn của từng ngành, địa phương.

- Hình thức quán triệt cần đa dạng, phong phú (hội nghị, hội thảo, tọa

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

đàm, tập huấn, tài liệu, video...) cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; phổ biến đến cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân.

- Xây dựng tài liệu, cẩm nang về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số dưới dạng dễ tiếp cận (video clip, infographic, mạng xã hội...).

- Mời chuyên gia có kinh nghiệm thực tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tham gia chia sẻ, trao đổi.

2.2. Xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết, phân công trách nhiệm rõ ràng, xác định thời hạn hoàn thành và chỉ tiêu đánh giá

Xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch hành động này cần xác định rõ các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể cho từng giai đoạn (đến năm 2030, 2035, 2040, đến năm 2045). Phân công đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp cho từng nhiệm vụ. Xác định rõ nguồn lực thực hiện (nhân lực, tài chính, tài lực...).

2.3. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức với kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

Xây dựng, ban hành quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức; quy định về trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện kế hoạch hành động về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hằng năm. Đưa kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW vào tiêu chí đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng cán bộ, công chức, viên chức hằng năm.

2.4. Đẩy mạnh truyền thông về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Huy động các cơ quan báo chí của địa phương, trung ương đóng trên địa bàn, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Cổng thông tin các sở, ban, ngành, địa phương để phổ biến, tuyên truyền lợi ích của phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Đa dạng hóa hình thức truyền thông (báo hình, báo nói, báo điện tử, các nền tảng mạng xã hội...).

- Xây dựng kênh truyền thông chuyên biệt (cổng thông tin, bản tin, chuyên mục truyền hình địa phương...) về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Xây dựng chương trình truyền thông riêng cho từng đối tượng (cán bộ lãnh đạo, chuyên viên, doanh nghiệp, người dân...).

- Triển khai sâu rộng phong trào "Bình dân học vụ số", phổ cập, nâng cao tri thức số, tri thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân trên địa bàn.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

- Trọng tâm vận động chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo của Mặt trận, đoàn thể, hiệp hội doanh nghiệp tham gia tuyên truyền; gắn chặt với các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, khởi nghiệp sáng tạo.

- Khơi dậy các phong trào thi đua, mở rộng, đa dạng các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời, xứng đáng đối với các chuyên gia, nhà khoa học, nhà sáng chế, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, các mô hình tiêu biểu, điển hình trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

2.5. Xây dựng văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số.

- Phổ biến, kiểm tra giám sát việc thực hiện quy tắc ứng xử trên môi trường số cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền về văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp.

3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo đột phá, đảm bảo nguồn lực

3.1. Chủ động rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật (các quy định về lĩnh vực đất đai, đầu tư, mua sắm công, thủ tục hành chính, sở hữu trí tuệ, thuế, tín dụng...) thuộc thẩm quyền của tỉnh hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung để ban hành chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ số, tháo gỡ các điểm nghẽn, các rào cản về thể chế, cơ chế chính sách và nguồn nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho sự phát triển mang tính đột phá của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3.2. Xây dựng quy hoạch và các kế hoạch cụ thể để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo của tỉnh giai đoạn 2025-2045, đồng bộ với quy hoạch tỉnh có tầm nhìn tới năm 2045, tập trung cả hệ thống chính trị để thực hiện thành công các quy hoạch, chiến lược, kế hoạch, biến tiềm năng thành hiện thực trong thời gian sớm nhất.

3.3. Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách thúc đẩy, hỗ trợ đủ mạnh gắn với thực hiện các chính sách ưu đãi đầu tư, hỗ trợ tài chính cho các dự án nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao để thúc đẩy các lĩnh vực ưu tiên, thu hút tài năng, doanh nghiệp công nghệ cao, thúc đẩy nghiên cứu - phát triển (R&D), khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao; Có cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về làm việc, sinh sống tại các cơ quan đảng, nhà nước, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và các doanh nghiệp trên địa bàn; Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút vốn đầu tư tư nhân; nghiên cứu đổi mới phương thức đầu tư hợp tác công - tư (PPP) cho các dự án hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

3.4. Tạo cơ chế, tạo điều kiện chuyển giao công nghệ, sẵn sàng thử nghiệm các công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới (sandbox), có kiểm soát rủi ro; cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

3.5. Xây dựng quỹ phát triển khoa học - công nghệ, quỹ hỗ trợ đổi mới sáng tạo, quỹ đầu tư khởi nghiệp (nếu đủ điều kiện); Ưu tiên bố trí ngân sách cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ trọng điểm, dự án chuyển đổi số, đồng thời huy động các nguồn vốn xã hội hóa khác.

3.6. Đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp, viện, trường; Rà soát, cắt giảm các thủ tục không cần thiết; Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình, giảm thời gian xử lý hồ sơ, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao, phi địa giới hành chính; Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp tiếp cận đất đai, vốn, nhân lực.

3.7. Tập trung thúc đẩy khai thác, triển khai, kết nối, hợp tác hiệu quả; tăng cường thu hút các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư cho nghiên cứu, sản xuất và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại tỉnh; ưu tiên các doanh nghiệp công nghệ hàng đầu quốc gia, quốc tế đặt trụ sở tại địa phương.

3.8. Bố trí đủ nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) để triển khai các nội dung, nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch hành động. Tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu, quy định; lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

3.9. *Xây dựng chương trình đầu tư công về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030.*

3.10. Cho phép thí điểm thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm có sử dụng ngân sách nhà nước để đầu tư vốn vào các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong các lĩnh vực trọng điểm về khoa học và công nghệ nhằm hỗ trợ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và thương mại hóa sản phẩm khoa học, công nghệ.

4. Xây dựng quy hoạch phát triển hạ tầng số, ứng dụng, dịch vụ số

- Quy hoạch tổng thể 10 năm đầu tư phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, bảo đảm an toàn, an ninh, có tính dự phòng.

- Lồng ghép quy hoạch tổng thể phát triển hạ tầng số vào quy hoạch tổng thể của tỉnh.

- Ưu tiên phát triển hạ tầng số cho các khu vực trọng điểm (khu công nghiệp, khu công nghệ cao, đô thị thông minh...) có tính kết nối, liên thông; thúc đẩy kết nối, chia sẻ hạ tầng số giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn;

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

lồng ghép các nội dung phát triển hạ tầng số vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Mở rộng phủ sóng băng thông rộng (4G, 5G, cáp quang) đến các vùng sâu, vùng xa; nâng cấp đường truyền cho cơ quan đảng, nhà nước, trường học, bệnh viện.

- Xây dựng (hoặc thuê dịch vụ, thu hút đầu tư) trung tâm dữ liệu và hệ thống tính toán hiệu năng cao (nếu có quy mô đủ lớn); xây dựng quy chế về chia sẻ hạ tầng số. Xây dựng các trung tâm đổi mới sáng tạo, vườn ươm khởi nghiệp và khu công nghệ cao.

- Công bố danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu trong danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung đã ban hành. Cung cấp 100% dữ liệu mở theo kế hoạch đã ban hành.

- Đưa các hoạt động của cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận lên môi trường mạng, hướng tới hiệu lực, hiệu quả, công khai, minh bạch; công tác chỉ đạo, điều hành trực tuyến, dựa trên dữ liệu.

- Xây dựng Trung tâm giám sát điều hành thông minh ở cấp tỉnh, kết nối đến cấp xã.

- Ứng dụng công nghệ giải quyết vấn đề môi trường, xã hội: Áp dụng giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS…) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai. Thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững.

5. Xây dựng quy hoạch phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển

5.1. Xây dựng chiến lược, quy hoạch hình thành và phát triển trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển của tỉnh

- Xây dựng hoặc nâng cấp các cơ sở nghiên cứu, vườn ươm khởi nghiệp, không gian sáng tạo tối thiểu có một trung tâm đầu mối dẫn dắt bởi cơ quan có chức năng của nhà nước; thu hút đầu tư từ doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu để mở rộng số lượng và quy mô các cơ sở; Phát triển mạng lưới kết nối các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trong nước và quốc tế theo hướng tích hợp thành một hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thống nhất, có sự liên kết chặt chẽ, cơ chế chia sẻ nguồn lực và thông tin hiệu quả giữa các chủ thể (trường, doanh nghiệp, tổ chức hỗ trợ, quỹ đầu tư...).

- Tạo điều kiện kết nối viện - trường - doanh nghiệp, thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất, đời sống.

5.2. Khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

- Xây dựng chính sách đột phá nhằm khuyến khích và thúc đẩy mạnh mẽ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp công nghệ cao.

- Hỗ trợ thủ tục pháp lý, văn phòng làm việc, đào tạo kỹ năng quản trị, marketing, gọi vốn…

- Kết nối quỹ đầu tư, nhà đầu tư thiên thần, cộng đồng cố vấn cho các dự án khởi nghiệp tại tỉnh.

5.3. Nâng cao năng lực nghiên cứu

- Tăng cường nguồn lực đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật và trang thiết bị cho các tổ chức khoa học và công nghệ công lập, các phòng thí nghiệm trọng điểm của tỉnh, đảm bảo đủ năng lực triển khai các nghiên cứu chuyên sâu, đón đầu các xu hướng công nghệ mới thuộc lĩnh vực ưu tiên.

- Ưu tiên các nhiệm vụ khoa học, công nghệ giải quyết vấn đề bức thiết của tỉnh (nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái đa lợi ích; chuỗi giá trị các sản phẩm chủ lực; công nghệ sinh học; công nghiệp chế biến; mô hình, phương thức quản trị hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phát huy giá trị thiên nhiên và đa dạng sinh học; mô hình kinh tế chia sẻ, kinh tế đêm, kinh tế xanh; phát triển du lịch bền vững; công nghiệp văn hoá; phát triển kinh tế số; phát triển y tế chuyên sâu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các ngành, lĩnh vực; khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ kết nối liên vùng, liên ngành và phát triển hành lang kinh tế…).

- Tăng cường phối hợp với các trường đại học, viện nghiên cứu Trung ương, quốc tế; thúc đẩy công bố khoa học, đăng ký sở hữu trí tuệ.

6. Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

6.1. Xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao

- Xây dựng chính sách thu hút, đào tạo, bồi dưỡng và đãi ngộ đặc thù để phát triển đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ chất lượng cao ngay tại tỉnh, nhất là các chuyên gia đầu ngành, nhà khoa học trẻ trong các lĩnh vực nghiên cứu ưu tiên. Xác định rõ nhu cầu nhân lực của từng lĩnh vực; xây dựng các chương trình đào tạo chuyên sâu, chất lượng cao; có chính sách ưu đãi để thu hút, giữ chân nhân tài.

- Cụ thể hóa các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng số, kiến thức chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp,...

6.2. Bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức

- Xây dựng chương trình đào tạo kỹ năng số (quản trị dữ liệu, sử dụng

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

nền tảng số…) cho lãnh đạo các cấp; tổ chức các lớp tập huấn định kỳ.

- Tích hợp, lồng ghép nội dung chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong chương trình đào tạo chính quy, bồi dưỡng cán bộ; liên kết với doanh nghiệp công nghệ, tổ chức quốc tế để xây dựng chương trình thực hành, trao đổi chuyên gia, du học, thực tập,…

- Định kỳ tổ chức đánh giá thực chất hiệu quả các chương trình đào tạo, tập huấn kỹ năng số để có cơ sở điều chỉnh, cập nhật nội dung, phương pháp cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn và sự thay đổi của công nghệ.

6.3. Đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo trong các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề của tỉnh, gắn với nhu cầu thực tế của thị trường

- Có giải pháp, lộ trình tăng cường đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, nhất là ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực trọng điểm, có tính lan tỏa, tạo ra giá trị gia tăng cao.

- Tăng cường đào tạo về kỹ năng số, kiến thức về công nghệ mới; khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo; triển khai mô hình trường học thông minh, lớp học ảo, học liệu số; tạo điều kiện để học sinh, sinh viên tiếp cận công nghệ sớm.

- Khuyến khích các đề tài khoa học sinh viên, thúc đẩy phong trào nghiên cứu, khởi nghiệp trong môi trường đại học, cao đẳng, giáo dục nghề.

6.4. Tăng cường hợp tác trong đào tạo nhân lực

- Thúc đẩy hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trong và ngoài nước; đổi mới chương trình đào tạo, hiện đại hoá phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo,…

- Tạo điều kiện cho sinh viên, giảng viên thực tập, nghiên cứu tại doanh nghiệp.

- Mời các chuyên gia, doanh nhân tham gia giảng dạy.

6.5. Xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành

- Xây dựng cơ sở dữ liệu số tập trung, thống nhất toàn quốc về nhân lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tăng cường kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia, tạo nên hệ sinh thái dữ liệu mở, thông minh và an toàn.

6.6. Thu hút nhân tài, chuyên gia

- Tạo môi trường làm việc thông thoáng, văn minh, ban hành chính sách đãi ngộ, hỗ trợ (nhà ở, lương thưởng, môi trường nghiên cứu và phát triển,…)

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

để thu hút chuyên gia công nghệ cao, nhà khoa học giỏi đến làm việc.

- Thiết lập mạng lưới chuyên gia, hiệp hội trí thức người Quảng Trị ở trong và ngoài nước, kết nối tri thức phục vụ địa phương.

7. Xây dựng kế hoạch chuyển đổi số, kinh tế số

7.1. Kế hoạch 5 năm thực hiện Chương trình chuyển đổi số của tỉnh và Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng

- Phát triển các nền tảng số dùng chung, các CSDL dữ liệu số dùng chung, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị tại địa phương, đẩy mạnh cải cách hành chính, rà soát, tái cấu trúc, số hóa toàn bộ quy trình nghiệp vụ dựa trên công nghệ số.

- Sử dụng các ứng dụng, nền tảng đã được Trung ương đầu tư.

- Tăng cường kết nối, chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng số giữa địa phương với Trung ương.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tổng hợp, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định.

- Khuyến khích xã hội hóa, hợp tác công - tư trong phát triển hạ tầng số.

7.2. Kế hoạch 5 năm triển khai các nền tảng số

- Tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu (dân cư, đất đai, doanh nghiệp…) trên nền tảng chung, tích hợp với AI, hạn chế trùng lặp, phân tán dữ liệu.

- Nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; đẩy mạnh xác thực điện tử, chữ ký số; xây dựng Trung tâm điều hành thông minh ở cấp tỉnh, kết nối đến cơ sở.

- Triển khai các nền tảng số thông minh trong các ngành, lĩnh vực: du lịch, nông nghiệp, sản xuất, logistics, thương mại điện tử, giáo dục - y tế, đô thị, môi trường,…

- Phát triển thanh toán số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, các ứng dụng tiện ích chất lượng cao phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị tại địa bàn tỉnh, phục vụ cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trên môi trường số.

7.3. Xây dựng kế hoạch 5 năm, các chương trình, đề án cụ thể

- Hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử…).

- Phát triển nền tảng kết nối doanh nghiệp - nhà cung cấp giải pháp công

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

nghệ, tổ chức hội chợ, hội thảo công nghệ; tạo môi trường chia sẻ kiến thức.

- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ thông qua nền tảng số toàn cầu.

- Xây dựng thương hiệu số cho sản phẩm chủ lực, áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc, IoT, blockchain trong nông nghiệp, chế biến…

- Nâng cấp sàn thương mại điện tử cấp tỉnh hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm địa phương, kết nối doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

- Triển khai các công cụ phân tích dữ liệu (Big Data, AI) để dự báo, đánh giá thị trường, nâng cao hiệu quả marketing.

- Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ trong nước đầu tư ra nước ngoài; thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước khởi nghiệp tại Việt Nam.

- Đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số.

8. Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số

8.1. Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

8.2. Tăng cường an ninh mạng

- Nâng cấp Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng cấp tỉnh.

- Xây dựng đội ngũ chuyên trách ứng cứu sự cố.

- Ban hành quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin quan trọng.

- Định kỳ kiểm tra, diễn tập phòng chống tấn công mạng.

- Tăng cường năng lực giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu sự cố an ninh mạng.

- Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố.

8.3. Cụ thể hóa các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng

- Chia sẻ thông tin, phối hợp theo dõi, giám sát, xử lý sự cố, trong đó xác định rõ đầu mối phối hợp với các cơ quan Trung ương (Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ban Cơ yếu Chính phủ), có kế hoạch theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên các hệ thống để bảo đảm an ninh, an toàn.

- Khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

- Nghiên cứu, đánh giá và ưu tiên sử dụng giải pháp, sản phẩm an toàn thông tin "Made in Việt Nam".

9. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng, quốc tế

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

9.1. Hợp tác với các địa phương, vùng kinh tế, doanh nghiệp, nhà khoa học.

- Tăng cường liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố lân cận trong và ngoài khu vực để thúc đẩy việc thực hiện Nghị quyết (chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác đào tạo nhân lực, xây dựng hạ tầng, nền tảng số dùng chung...) phối hợp triển khai các dự án chung, đặc biệt về hạ tầng số, logistics, liên kết chuỗi giá trị, chia sẻ kinh nghiệm đổi mới sáng tạo.

- Tổ chức hội nghị, diễn đàn thường niên về chuyển đổi số, khoa học - công nghệ cấp vùng. Thúc đẩy các chương trình nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tiên tiến, chiến lược.

- Tổ chức các diễn đàn, hội thảo, hội nghị kết nối giữa nhà nước - doanh nghiệp - viện nghiên cứu - nhà khoa học - cộng đồng khởi nghiệp.

9.2. Hội nhập quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài

- Khuyến khích kết nối với các tổ chức, quỹ, doanh nghiệp công nghệ quốc tế; thúc đẩy chuyển giao công nghệ cao.

- Tăng cường tham gia các sự kiện, hội chợ công nghệ toàn cầu; xây dựng thương hiệu địa phương về đổi mới sáng tạo, khoa học, công nghệ.

- Chủ động tham gia các diễn đàn, tổ chức quốc tế, học tập kinh nghiệm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Đề xuất các sáng kiến, giải pháp hợp tác quốc tế. Ký kết các thỏa thuận hợp tác. Triển khai các dự án hợp tác cụ thể.

- Tìm kiếm, thúc đẩy các cơ hội hợp tác với các đối tác nước ngoài, ưu tiên các đối tác có thế mạnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Thu hút đầu tư, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ tiến tiến, chiến lược từ nước ngoài vào tỉnh.

- Khuyến khích các doanh nghiệp của tỉnh hợp tác với các đối tác nước ngoài.

- Tạo điều kiện cho các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước đến địa phương làm việc, hợp tác.

10. Giám sát, đánh giá và tuyên truyền

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch hành động, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Kịp thời có các điều chỉnh về cơ chế, chính sách, văn bản quy định khi phát hiện ra các dấu hiệu có thể không đạt được các mục tiêu, yêu cầu đã đặt ra. Ban hành quy chế, xây dựng cơ chế giám sát, thành lập đoàn kiểm tra định kỳ, báo cáo kết quả theo tháng, quý, 6

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

tháng, 1 năm. Thực hiện sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, điều chỉnh kịp thời mục tiêu, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Hiện đại hóa phương thức kiểm tra, giám sát dựa trên dữ liệu số. Tăng cường ứng dụng các công cụ phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo để tự động hóa việc theo dõi, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp.

- Công khai, minh bạch thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Minh bạch quy trình phê duyệt, quản lý, sử dụng kinh phí; tạo cơ chế tự chủ hơn cho tổ chức phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò, kết quả của việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thường trực Tỉnh uỷ

- Trực tiếp chỉ đạo Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh, Đảng ủy UBND tỉnh, Đảng ủy Các cơ quan Đảng tỉnh, các ban, Ủy ban Kiểm tra và Văn phòng Tỉnh ủy, các cấp ủy trực thuộc trong việc quán triệt, triển khai hiệu quả Kế hoạch hành động. Định kỳ nghe Ban Chỉ đạo tỉnh báo cáo về tiến độ thực hiện, kết quả đạt được, các khó khăn, vướng mắc và những vấn đề trọng tâm cần tháo gỡ liên quan đến triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW, Quyết định 204-QĐ/TW ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư và Kế hoạch hành động này.

- Chỉ đạo rà soát, điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp khi có thay đổi lớn về bối cảnh (chính sách, công nghệ, điều kiện kinh tế - xã hội...). Xem xét, quyết định các cơ chế đặc thù, chính sách khuyến khích phù hợp để thúc đẩy phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; bảo đảm cân đối nguồn lực đầu tư một cách hợp lý, hiệu quả.

- Chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh rà soát, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Chỉ đạo Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo và các cơ quan có liên quan giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch này; kịp thời xử lý hoặc tham mưu xử lý các tổ chức đảng, đảng viên có vi phạm.

- Trực tiếp chỉ đạo công tác khen thưởng, biểu dương các tập thể, cá nhân điển hình xuất sắc; đồng thời, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm hoặc trì trệ trong thực hiện Kế hoạch hành động này. Định kỳ hàng năm, chỉ đạo tổ

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

chức kiểm điểm, đánh giá kết quả triển khai; trên cơ sở đó, bổ sung, điều chỉnh giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo để đảm bảo hiệu quả thực hiện.

2. Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh

- Lãnh đạo, điều hành thống nhất việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW; ban hành các chiến lược; chủ động đôn đốc, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị để đảm bảo tiến độ, chất lượng thực hiện Kế hoạch hành động.

- Kịp thời tham mưu, đề xuất các chính sách, giải pháp cho Ban Thường vụ Tỉnh uỷ nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm hoặc đột xuất tại các sở, ban, ngành, địa phương; kịp thời chỉ đạo xử lý sai sót, chậm trễ trong triển khai Kế hoạch hành động.

- Hướng dẫn, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện theo từng giai đoạn (tháng, 3 tháng, 6 tháng, 1 năm, giữa nhiệm kỳ, cuối nhiệm kỳ); báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương theo yêu cầu.

3. Đảng uỷ UBND tỉnh

Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo UBND tỉnh:

- Chỉ đạo các đơn vị chức năng xây dựng, ban hành các chương trình, kế hoạch, xây dựng các đề án, dự án triển khai cụ thể về: Phát triển hạ tầng số, dữ liệu số; ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo trong các ngành, lĩnh vực; chuyển đổi số cho doanh nghiệp, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục,… phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phân kỳ thực hiện (theo năm, giai đoạn 5 năm), phân bổ ngân sách, huy động nguồn lực xã hội, bảo đảm tính khả thi.

- Tham mưu, đề xuất với Ban Chỉ đạo tỉnh về những giải pháp, cơ chế, chính sách cần sửa đổi hoặc ban hành mới, phục vụ phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thường xuyên báo cáo Ban Chỉ đạo về kết quả triển khai, các khó khăn, vướng mắc; xin ý kiến chỉ đạo kịp thời.

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành, uỷ ban nhân dân các cấp triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao; tổ chức kiểm tra, đôn đốc tiến độ, chất lượng thực hiện; xử lý, tháo gỡ vướng mắc, bảo đảm các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

- Đề xuất các cơ chế, chính sách: Thu hút đầu tư, nhân tài; khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển, khởi nghiệp công nghệ cao; hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa; ưu tiên ngân sách, khuyến khích đối tác

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

công tư... Tạo môi trường thuận lợi về thủ tục hành chính, pháp lý để tổ chức, cá nhân yên tâm tham gia đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ.

- Định kỳ tháng, 3 tháng, 6 tháng, 1 năm hoặc đột xuất, báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh và Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về kết quả triển khai, kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả; chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết các chương trình, đề án theo từng giai đoạn; khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu; đề xuất điều chỉnh Kế hoạch nếu thấy cần thiết.

4. Các ban, Ủy ban Kiểm tra và Văn phòng Tỉnh ủy

- Văn phòng Tỉnh ủy thực hiện vai trò Thường trực Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh; bố trí nhân sự có trình độ năng lực về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với Phòng Chuyển đổi số - Cơ yếu. Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị có liên quan xây dựng quy hoạch đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại tỉnh theo giai đoạn 10 năm, tầm nhìn 2045 trình Ban Chỉ đạo ban hành; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh trong tổng hợp, theo dõi, kiểm tra tiến độ, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Chỉ đạo; bảo đảm thông tin kịp thời, thông suốt.

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu, đề xuất những giải pháp về công tác cán bộ để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; cho chủ trương bố trí phù hợp đối với cán bộ có trình độ khoa học, kỹ thuật giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý, tham gia vào cấp ủy các cấp. Kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực đảm bảo khả năng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hệ thống cơ quan đảng các cấp, nhất là chính sách trọng dụng cán bộ có trình độ, năng lực khoa học, kỹ thuật, công nghệ để thúc đẩy đổi mới, sáng tạo.

- Ban Tuyên giáo và Dân vận chủ trì, phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo để quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch hành động này; hướng dẫn tuyên truyền nội bộ, trên báo chí, mạng xã hội.

- Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh ủy phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh tổ chức giám sát, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất, phát hiện và xử lý vi phạm, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy.

- Ban Nội chính Tỉnh ủy theo dõi, tổng hợp tình hình, nghiên cứu đề xuất giải pháp đấu tranh với sai phạm trong triển khai các dự án khoa học, công nghệ.

5. Trách nhiệm của các cấp ủy đảng trực thuộc

- Xây dựng Kế hoạch cụ thể phù hợp với đặc thù địa phương, đơn vị dựa trên Kế hoạch hành động chung; quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW đến cán

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

bộ, đảng viên và Nhân dân.

- Đảng ủy các xã, phường, đặc khu thành lập các Ban Chỉ đạo cấp xã về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do đồng chí Bí thư Đảng ủy làm Trưởng Ban Chỉ đạo, Văn phòng Đảng ủy làm cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo.

- Lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền cùng cấp cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp tại địa bàn.

- Gửi báo cáo tiến độ, khó khăn, kiến nghị cho Ban Chỉ đạo cấp tỉnh; kịp thời phản ánh những vấn đề phát sinh; phối hợp với các đoàn kiểm tra, giám sát do Ban Chỉ đạo tỉnh, các ban đảng, ủy ban kiểm tra cấp trên tiến hành.

- Định kỳ tháng, 3 tháng, 6 tháng, 1 năm: Đánh giá kết quả thực hiện tại địa phương, đơn vị; biểu dương những điển hình tốt; đề xuất giải pháp mới.

- Tạo cơ chế khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp… tham gia tích cực vào các phong trào đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

6. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể

- Phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, doanh nghiệp và nhân dân hưởng ứng các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch hành động này.

- Phát động phong trào thi đua sáng tạo, khởi nghiệp; tăng cường giám sát và phản biện xã hội trong quá trình thực hiện (phản ánh những khó khăn, bất cập lên Ban Chỉ đạo tỉnh).

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, Đoàn thanh niên, các hội, hiệp hội... phối hợp với các doanh nghiệp công nghệ số tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn kỹ năng số cho tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh... và các đối tượng có liên quan.

- Thực hiện giám sát, phản biện xã hội việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch này, các chính sách thúc đẩy chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong toàn tỉnh theo chức năng; kịp thời phản ánh, kiến nghị khó khăn, vướng mắc lên Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh và các cơ quan, ban, ngành.

7. Kinh phí thực hiện và nguồn lực hỗ trợ

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách (chi cho hoạt động khoa học - công nghệ, chuyển đổi số...) và nguồn xã hội hóa (đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân).

- Khuyến khích các mô hình PPP trong đầu tư hạ tầng số, trung tâm R&D, trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Xây dựng cơ chế linh hoạt, minh bạch, công khai trong quản lý, sử

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm

dụng kinh phí; tăng cường kiểm tra, giám sát để tránh lãng phí, tiêu cực.

8. Chế độ thông tin, báo cáo, sơ kết, tổng kết

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, sở/ban/ngành, Mặt trận, đoàn thể báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch hành động định kỳ hằng tháng, 3 tháng, 6 tháng, 1 năm ***vào ngày 15 hằng tháng, ngày 15 của tháng cuối quý và ngày 10/12 hằng năm*** gửi về Văn phòng Tỉnh ủy, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo tỉnh, phục vụ báo cáo gửi Ban Chỉ đạo Trung ương và cập nhật vào hệ thống giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng dẫn của Trung ương.

- Hằng năm, Ban Chỉ đạo tổ chức kiểm tra liên ngành tại một số địa phương, đơn vị trọng điểm; sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm; có thể điều chỉnh một số mục tiêu, nhiệm vụ nếu cần. Cuối nhiệm kỳ hoặc theo chu kỳ 5 năm, tổ chức tổng kết trên phạm vi toàn tỉnh; biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu, đồng thời đề xuất phương hướng cho giai đoạn tiếp theo.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

TỈNH ỦY QUẢNG TRỊ

Lê Ngọc Quang

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- BCĐ Trung ương về phát triển KH, CN, ĐMST và CĐS,
- Các ban, UBKT và VPTW Đảng,
- Các vụ địa phương theo dõi địa bàn tỉnh Quảng Trị,

(để b/c)

- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các ban, UBKT và VP Tỉnh ủy,
- Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh,
- Các đảng ủy xã, phường, đặc khu,
- Các đồng chí thành viên BCĐ, Tổ giúp việc BCĐ,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Lưu VPTU.

Tài liệu này thuộc sở hữu của các cơ quan Đảng. Việc phát tán, sử dụng trái phép bị nghiêm cấm